

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST
Ngày 16-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Bà Trần Thị Mộng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 51/2017/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số 9, đường số 26, Khu Công nghiệp ST 2, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ng Sen F; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Hồng O, sinh năm 1982; địa chỉ liên hệ: Số 658/63/6, đường Bùi Thị X, khu phố TT, phường TB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền số 0310/2017-UQ-SN ngày 27/10/2017); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ĐN; địa chỉ trụ sở: Số 269, khu phố Cây C, phường TP, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành N; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2017, nguyên đơn Công ty Cổ phần S và bà Lâm Thị Hồng O là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2015 Công ty Cổ phần S (sau đây viết tắt là Công ty S) và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ĐN (sau đây viết tắt là Công ty ĐN) có ký kết hợp đồng mua bán số 07-2015/SN-DN. Theo nội dung hợp đồng mua bán, Công ty S cung cấp mặt hàng sơn dùng trong công nghiệp sơn phủ cho Công ty ĐN, quy cách và số lượng sản phẩm sẽ được liệt kê cụ thể trên đơn đặt hàng gửi cho bên bán trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Thực hiện hợp đồng, công ty S đã cung cấp mặt hàng sơn dùng trong công nghiệp sơn phủ theo yêu cầu của Công ty ĐN với tổng trọng lượng sơn đã cung cấp là 5.871kg, giá trị thành tiền là 236.105.870 đồng. Công ty S đã giao hàng đầy đủ và đã xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty ĐN, cụ thể hóa đơn số 0000472 ngày 03/11/2015, hóa đơn số 0000478 ngày 06/11/2015, hóa đơn số 0000484 ngày 11/11/2015. Theo thỏa thuận tại Điều IV của hợp đồng đã ký kết, Công ty ĐN sẽ thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Tuy nhiên, Công ty ĐN mới chỉ thanh toán số tiền 127.968.600 đồng, số tiền còn nợ lại là 108.137.270 đồng vẫn chưa thanh toán cho Công ty S, Công ty S đã nhiều lần gửi văn bản nhắc nhở nhưng công ty ĐN vẫn không thanh toán số tiền nợ. Do vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty ĐN thanh toán công nợ với số tiền gốc là 108.137.270 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính trên số tiền chậm trả từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 12%/năm như hợp đồng đã ký kết là 30.170.298 đồng. Tổng số tiền Công ty S yêu cầu Công ty ĐN phải thanh toán cho Công ty S là 138.307.568 đồng.

Nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07-2015/SN-DN ngày 02/01/2015, hoá đơn giá trị gia tăng số 0000472 ngày 03/11/2015, hóa đơn số 0000478 ngày 06/11/2015, hóa đơn số 0000484 ngày 11/11/2015; đơn giao hàng số 001164 ngày 11/11/2015, 001149 ngày 06/11/2015, 001136 ngày 03/11/2015; 10 lệnh thanh toán; văn bản gia hạn thanh toán; biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2015.

Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ĐN đã nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Công ty Cổ phần S và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ĐN có ký kết hợp đồng kinh tế số 07-2015/SN-DN với nội dung nguyên đơn cung cấp cho bị đơn mặt hàng sơn, tổng khối lượng là 5.871kg, với giá trị hợp đồng là 236.105.870 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là 108.137.270 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01.01.2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 30.170.298 đồng theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng là 12%. Tổng cộng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền là 138.307.568 đồng. Xét thấy, hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, căn cứ vào các hoá đơn giá trị gia tăng, biên bản xác minh của Tòa án tại Chi cục Thuế thị xã Tân Uyên và các lệnh thanh toán thì có căn cứ xác định bị đơn còn nợ tiền hàng của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả cung cấp thông tin tại Văn bản số 758/CV-ĐKKD ngày 21/12/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương thể hiện Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ĐN có trụ sở chính tại số 269, khu phố CC, phường TP, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3700635642 ngày 23/5/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 23/8/2017, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thành N; chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của công ty ĐN không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Bị đơn Công ty ĐN được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 277, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền tính lãi, thời gian tính lãi vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty S và Công ty ĐN có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán số 07-2015/SN-DN ngày 02/01/2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 24 Luật Thương mại. Căn cứ vào đơn giao hàng đơn giao hàng số 001164 ngày 11/11/2015, 001149 ngày 06/11/2015, 001136 ngày 03/11/2015 có cơ sở xác định Công ty S đã thực hiện việc giao hàng cho Công ty ĐN và Công ty S đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng số hóa đơn giá trị gia tăng số 0000472 ngày 03/11/2015, hóa đơn số 0000478 ngày 06/11/2015, hóa đơn số 0000484 ngày 11/11/2015, đối chiếu tên sản phẩm, mã sản phẩm, số lượng, tổng sản phẩm giữa đơn đặt hàng và hóa đơn là phù hợp. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 22/3/2018 tại Chi cục Thuế thị xã Tân Uyên thì Công ty ĐN có sử dụng 03 hoá đơn giá trị gia tăng trên đăng ký kê khai và quyết toán thuế. Mặt khác, tại lệnh thanh toán do nguyên đơn cung cấp thể hiện Công ty ĐN có thanh toán tiền hàng cho Công ty S. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty ĐN có mua hàng hoá và còn nợ tiền hàng Công ty S với tổng số tiền là 108.137.270 đồng. Công ty ĐN không thanh toán cho Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 108.137.270 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu Công ty ĐN trả tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 12%/năm (1%/tháng) tính từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 30.170.298 đồng. Xét, theo thỏa thuận của hai bên tại Điều IV của hợp đồng, nếu bên mua không thanh toán đúng hạn thì bên mua phải chịu thêm phần tiền lãi do thanh toán chậm tính trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất 12%/năm tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, như vậy hai bên đã thỏa thuận mức lãi suất nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi như trên là phù hợp theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại. Về thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều IV thời gian bên mua thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính thời gian chậm thanh toán là 30 ngày sau ngày xuất hóa đơn cuối cùng 01.01.2016 mà không tính theo thời gian chậm trả từng hóa đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, bị đơn phải thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho nguyên đơn là 30.170.298 đồng.

Tổng cộng Công ty ĐN phải thanh toán công nợ cho Công ty S với tổng số tiền 138.307.568 đồng, trong đó: Nợ gốc là 108.137.270 đồng và lãi chậm thanh toán là 30.170.298 đồng.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 30; Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 51 và Điều 306 Luật Thương mại;
- Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Buộc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ĐN phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền còn nợ là 138.307.568 (một trăm ba mươi tám triệu ba trăm lẻ bảy nghìn năm trăm sáu mươi tám) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ ĐN phải chịu 6.915.378 (sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn ba trăm bảy mươi tám) đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 3.300.000 (ba triệu ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0013465 ngày 10/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết